

Số 03-NQ/TU

Lai Châu, ngày 15 tháng 7 năm 2016

NGHỊ QUYẾT**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH****Về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020**

Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta, để khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về sản xuất nông nghiệp của tỉnh, nâng cao giá trị sản xuất và khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn từng bước hiện đại; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, với những nội dung sau:

I- TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH LAI CHÂU ĐẾN NĂM 2015

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự nỗ lực cố gắng của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, nông nghiệp, nông thôn Lai Châu đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: Sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng hàng hóa, năng suất, chất lượng; nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng vào sản xuất, đã hình thành và phát triển một số vùng sản xuất hàng hoá tập trung; các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp được thực hiện có hiệu quả, mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm ngày càng được mở rộng; sản xuất nông nghiệp đã góp phần quan trọng đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh với tổng sản lượng lương thực năm 2015 đạt 198.700 tấn. Diện tích cây chè, cây cao su được đầu tư mở rộng, từng bước củng cố và phát triển vùng nguyên liệu chè tập trung gắn với công nghiệp chế biến, quy mô trên 3.500 ha, sản lượng trên 23.000 tấn; diện tích cây cao su 13.125 ha... Phát huy lợi thế mở rộng quy mô phát triển chăn nuôi gia súc theo hướng trang trại, gia trại và chăn nuôi có kiểm soát, tốc độ tăng trưởng đàn gia súc bình quân trên 4%/năm. Nuôi cá nước lạnh, cá lồng trên các hồ thủy điện có triển vọng phát triển thành nghề sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao. Công tác trồng rừng, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên gắn với chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng được thực hiện có hiệu quả, nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 46,4%, với tổng diện tích rừng hiện có 416.100 ha.

Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt, phát huy được vai trò “chủ thể” của người dân; kết cấu hạ tầng vùng nông nghiệp, nông thôn được đầu tư, nâng cấp, nhất là hệ thống đường trục bản, ngõ bản và đường sản xuất; bộ mặt vùng nông thôn đã có nhiều đổi mới; công tác đào tạo nghề và tạo việc làm cho lao động nông thôn được quan tâm thực hiện; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng lên, thu nhập bình quân khu vực nông thôn đạt 9,22 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm xuống còn 22,95%; bản sắc văn hoá dân tộc được bảo tồn và phát huy; hệ thống chính trị ở cơ sở tiếp tục được củng cố, an ninh trật tự được giữ vững, vai trò lãnh đạo của Đảng ở khu vực nông thôn được tăng cường. Đến nay, thực hiện tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt 11,08 tiêu chí/xã, tăng 8,12 tiêu chí so với cuối năm 2011; có 15 xã đạt chuẩn nông thôn mới, không còn xã dưới 5 tiêu chí.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và không đồng đều giữa các vùng trong tỉnh. Nông nghiệp phát triển chưa bền vững, tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng, quy mô sản xuất nông nghiệp còn manh mún, chưa gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ. Các hình thức tổ chức sản xuất chậm đổi mới và thiếu bền vững, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới chưa đáp ứng yêu cầu; ý thức bảo vệ, quản lý khai thác các công trình sau đầu tư trên địa bàn nông thôn chưa cao; hiệu quả sản xuất, sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp còn thấp; hệ thống dịch vụ ở nông thôn phát triển chậm, vệ sinh môi trường nông thôn chưa được quan tâm đúng mức. Thu nhập và mức sống của nông dân còn thấp; tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo vẫn ở mức cao, nhất là vùng sâu, vùng xa.

Những hạn chế, yếu kém trên có nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là do: Xuất phát điểm kinh tế khu vực nông thôn thấp, việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và nhân rộng các mô hình có hiệu quả vào sản xuất còn hạn chế; nguồn lực đầu tư hạ tầng nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu; thị trường tiêu thụ không ổn định, thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra; một số cơ chế, chính sách của Nhà nước về nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới còn chậm được sửa đổi, bổ sung. Nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới chưa đầy đủ, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại sự đầu tư của Nhà nước, chưa chủ động tự vươn lên thoát nghèo; sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể Nhân dân ở nhiều nơi còn hạn chế; vai trò “chủ thể” của người dân ở một số nơi chưa thực sự được phát huy.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Quan điểm

(1) Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới phải phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời phù hợp với phong tục tập quán của mỗi địa phương và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

(2) Phát triển nông nghiệp, nông thôn phải dựa trên cơ chế thị trường, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực theo hướng khai thác tốt các tiềm năng của từng địa phương, lợi thế của từng sản phẩm trên cơ sở phát huy cao nội lực, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, trước hết là lao động, đất đai, mặt nước, rừng.

(3) Nhà nước tạo cơ chế chính sách; hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng, khoa học - công nghệ, thị trường, cung cấp thông tin, dịch vụ công, tạo môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển bền vững.

(4) Phát triển nông nghiệp phải gắn liền với xây dựng nông thôn mới và gắn với xây dựng các cơ sở chế biến, dịch vụ, sắp xếp ổn định dân cư và giải quyết các vấn đề xã hội ở nông thôn; bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo an ninh quốc phòng. Trong mối quan hệ mật thiết giữa nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nông dân là “chủ thể” của quá trình phát triển.

(5) Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, là quá trình khó khăn, phức tạp, lâu dài, đòi hỏi vừa phải kiên trì, vừa phải có bước đột phá và phải có sự đồng thuận, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị và toàn thể Nhân dân. Là cuộc vận động toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, là giải pháp quan trọng đưa Lai Châu thành tỉnh trung bình trong khu vực miền núi phía Bắc.

2. Mục tiêu đến năm 2020

2.1. Mục tiêu chung

Khai thác có hiệu quả, hợp lý tiềm năng, lợi thế để phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; từng bước chuyển nền sản xuất nông nghiệp từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển cả chiều rộng và chiều sâu, từ sản xuất nhỏ lẻ sang thâm canh, sản xuất hàng hóa quy mô tập trung gắn với an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường; nâng cao giá trị sản xuất, sức cạnh tranh của sản phẩm. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn từng bước hiện đại; gắn xây dựng nông thôn mới với quy hoạch nông nghiệp, đô thị; phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý.

Xây dựng nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói, giảm nghèo, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia. **Phấn đấu nông nghiệp Lai Châu phát triển, nông thôn tiến bộ.**

2.2. Mục tiêu cụ thể

(1) Duy trì tốc độ tăng trưởng ngành nông lâm nghiệp, thủy sản bình quân đạt 5 - 6%/năm.

(2) Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng hàng hóa với các sản phẩm chủ lực, có lợi thế của tỉnh; đảm bảo an ninh lương thực, tổng sản lượng lương thực có hạt 225.000 tấn; duy trì diện tích cây cao su hiện có; phấn đấu đến năm 2020 có 6.000 ha cây chè (trồng mới 2.000 ha), 10.000 ha cây quế, trên 3.000 ha cây sơn tra, 500 ha cây ăn quả ôn đới.

(3) Tập trung nâng cao tỷ trọng ngành chăn nuôi, thủy sản trong cơ cấu ngành nông nghiệp, duy trì tốc độ tăng trưởng đàn gia súc từ 5 - 6%/năm, tổng đàn gia súc đạt 410.000 con. Duy trì và phát triển vùng nuôi cá nước lạnh tập trung với thể tích nuôi 30.000 m³, sản lượng 450 tấn; phát triển nuôi cá lồng trên các hồ thủy điện với tổng thể tích 30.000 m³, sản lượng 600 tấn.

(4) Gắn bảo vệ, phát triển rừng với thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, trồng mới trên 5.500 ha rừng, nâng tỷ lệ che phủ rừng lên trên 50%.

(5) Duy trì và triển khai đồng bộ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 96 xã. Phấn đấu đến năm 2020 có 35-40% xã (bao gồm cả 15 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015), 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (hoặc thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới); bình quân đạt 15,5 tiêu chí/xã, không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí. Thu nhập của người dân khu vực nông thôn đạt 23 triệu đồng/người/năm (tăng 2,5 lần so với năm 2015).

3. Nhiệm vụ và giải pháp

3.1. Phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung và các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh

Đẩy mạnh thực hiện hợp tác kinh doanh giữa nông dân, doanh nghiệp theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh. Phát triển các vùng sản xuất tập trung với các sản phẩm chủ lực như: lúa, chè, cây ăn quả ôn đới...; các vùng cây trồng có lợi thế như: quế, sơn tra, rau, hoa và cây dược liệu; chăm sóc và bảo vệ diện tích cao su hiện có. Phát huy tiềm năng, lợi thế về đất đai để phát triển mạnh đàn trâu,

bò; tiếp tục chuyển đổi mạnh mẽ phương thức chăn nuôi, chủ động trồng cỏ, dự trữ thức ăn; chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp kém hiệu quả, đất chưa sử dụng sang trồng các loại cỏ có năng suất cao phục vụ chăn nuôi; phát triển chăn nuôi gia súc nhỏ, gia cầm theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, các vật nuôi đặc sản có giá trị. Đẩy mạnh phát triển nuôi cá lồng với các giống cá có giá trị kinh tế cao như: cá tầm, cá lăng, cá chiên; khai thác có hiệu quả nguồn lợi thủy sản trên các hồ thủy điện; duy trì và phát triển vùng nuôi cá nước lạnh tập trung. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản.

Sử dụng các giống chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường và tiềm năng, lợi thế của từng vùng; áp dụng các quy trình tiên tiến, sản xuất theo hướng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, tạo ra sản phẩm có chất lượng; đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, đưa cơ giới hóa vào các khâu trong quá trình sản xuất; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong sơ chế, bảo quản, chế biến. Gắn sản xuất với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị với hợp đồng, hợp tác giữa nông dân và doanh nghiệp. Đổi mới dây chuyền công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Tập trung bảo vệ diện tích rừng hiện có, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên và khoanh nuôi có trồng bổ sung; đẩy mạnh công tác trồng rừng với các loại cây gỗ lớn, cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao; thực hiện tốt nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy rừng. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng gắn với bảo vệ và phát triển rừng.

3.2. Phát triển ngành nghề nông thôn, kinh tế tập thể, kinh tế trang trại; ưu đãi và thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Gắn phát triển kinh tế trang trại, gia trại với xây dựng nông thôn mới; đầu tư cơ sở hạ tầng, khoa học công nghệ. Tăng cường phát triển thị trường, nguồn nhân lực, bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống, các nghề truyền thống. Tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã, hộ gia đình vay vốn với lãi suất ưu đãi để đầu tư phát triển sản xuất. Nâng cao năng lực quản lý, kinh doanh và năng lực cạnh tranh của các thành phần kinh tế thông qua việc tiếp cận các thông tin về chính sách, tín dụng, thị trường, đất đai, kỹ thuật. Tổ chức lại sản xuất theo hướng chuỗi giá trị từ khâu đầu vào đến thị trường tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mạnh vào nông nghiệp, nông thôn, để mỗi sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực có một hoặc một số doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư phát triển sản xuất và liên kết theo chuỗi giá trị.

3.3. Phát triển mạnh các dịch vụ nông nghiệp

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển các giống cây trồng, vật nuôi phục vụ cho sản xuất. Tập trung sản xuất các giống lúa thuần chất lượng cao, giống lúa đặc sản địa phương, hình thành các vườn cây đầu dòng, vườn giống gốc cây công nghiệp, cây ăn quả. Xây dựng vùng, cơ sở sản xuất giống vật nuôi có uy tín, chất lượng; phát triển một số giống gia súc, gia cầm địa phương có lợi thế. Chủ động sản xuất các loại giống thủy sản, tập trung vào giống cá truyền thống, cá nước lạnh; sản xuất giống cây lâm nghiệp có chất lượng tốt phục vụ công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh và cung ứng ra ngoài tỉnh.

Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển kinh doanh dịch vụ nông nghiệp phục vụ sản xuất; tăng cường công tác khuyến nông, chú trọng tới địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Đẩy mạnh phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, trước mắt là các tổ hợp tác xã dịch vụ vật tư, kỹ thuật nông nghiệp. Phấn đấu mỗi vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm thành lập 01 tổ hợp tác xã dịch vụ vật tư, kỹ thuật nông nghiệp.

Thực hiện tốt công tác tư vấn khuyến nông, chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào sản xuất. Cung ứng cây, con giống đảm bảo chất lượng; hỗ trợ quảng bá các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của tỉnh, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy sản xuất hàng hóa tập trung; xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của tỉnh.

3.4. Tập trung chỉ đạo, cải thiện đời sống cho nông dân; tạo điều kiện và giúp đỡ nông dân nâng cao hơn nữa vị thế của mình, thực sự là chủ thể xây dựng và hưởng lợi các thành tựu phát triển

Huy động và phát huy có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn, chú trọng công tác duy tu, bảo dưỡng công trình. Tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, nâng cao thu nhập, đời sống tinh thần cho người dân; tăng cường hỗ trợ nông dân nâng cao nhận thức, thay đổi tập quán sản xuất; nâng cao mức hưởng thụ của người dân về chất lượng dịch vụ công, đảm bảo môi trường sống tốt nhất cho người nông dân.

Đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; xây dựng bản, làng, xã, gia đình văn hóa; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; từng bước bài trừ các hủ tục lạc hậu ở nông thôn. Nâng cao nhận thức, phát huy dân chủ cơ sở và vai trò “chủ thể” của người nông dân, xây dựng cộng đồng dân cư tự chủ vươn lên, khuyến khích người nông dân nỗ lực vươn lên làm giàu.

3.5. Xây dựng các đề án và quy hoạch đảm bảo tính khoa học và sát với thực tiễn

Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về quy hoạch, tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra đánh giá các quy hoạch đã được phê duyệt; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nông, lâm nghiệp, thủy sản, các quy hoạch xây dựng nông thôn mới hiện có (nếu cần thiết) để phù hợp với thực tế của mỗi địa phương và thống nhất với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020 và các đề án, dự án phát triển sản xuất nông nghiệp đã được phê duyệt; xây dựng các đề án, dự án mới như: phát triển cây quế, cây sơn tra, cây ăn quả ôn đới... để khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

3.6. Thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới

Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt; đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân; nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường và đời sống văn hóa nông thôn; tăng cường củng cố hệ thống chính trị và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tại tất cả các xã, trong đó, tập trung ưu tiên cho các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, cải thiện đời sống văn hóa nông thôn; giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông thôn; chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ y, bác sỹ tuyến cơ sở, chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Phát huy vai trò của tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới.

3.7. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp

Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách của Nhà nước về phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới như: chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ về y tế, hỗ trợ về giáo dục, đào tạo nghề,... Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển các hình thức hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia từ khâu sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng gắn với bảo vệ và phát triển rừng.

3.8. Phát huy có hiệu quả các nguồn lực

Huy động và tập trung nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, tạo khâu đột phá để phát triển. Thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, chính sách về nông nghiệp, nông thôn. Tranh thủ huy động các nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư phát triển sản xuất, xây dựng, bảo dưỡng công trình kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”. Cân đối đủ nguồn lực đảm bảo thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

3.9. Đẩy mạnh tuyên truyền, học tập, quán triệt Nghị quyết, đưa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thành nhu cầu phát triển của người dân; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện

Tiếp tục tổ chức quán triệt, tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới nhằm tạo sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị, sự hưởng ứng tích cực của các tổ chức, cá nhân và Nhân dân các dân tộc. Trong đó, tập trung tuyên truyền các nội dung về xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực có lợi thế của tỉnh, của địa phương; thay đổi nhận thức về sản xuất nông nghiệp hàng hóa trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng cho nông dân thấy được vai trò “chủ thể” của mình trong việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu nông nghiệp. Tiếp tục huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội nhằm thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Nhân dân các dân tộc tỉnh Lai Châu chung sức xây dựng nông thôn mới”.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong tổ chức thực hiện chương trình; chú trọng sự tham gia giám sát của cộng đồng dân cư. Sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm để điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết sâu rộng đến cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể cơ sở và cán bộ, đảng viên và Nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo, hướng dẫn cấp uỷ, chính quyền cơ sở cụ thể hoá Nghị quyết bằng kế hoạch, nhiệm vụ sát với yêu cầu thực tiễn của cơ sở với tinh thần quyết tâm cao.

2. Đảng đoàn HĐND tỉnh lãnh đạo HĐND tỉnh phối hợp với UBND tỉnh ban hành nghị quyết, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách để đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

3. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh ban hành đề án, kế hoạch cụ thể; chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết này; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, các ban đảng tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn tuyên truyền, học tập, quán triệt sâu rộng đến các cấp, các ngành và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này.

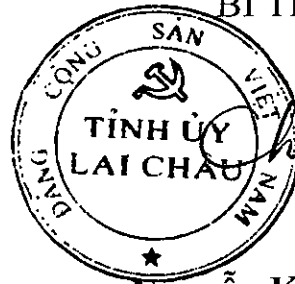
5. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, lãnh đạo xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết; tổ chức phát động các phong trào thi đua; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh để thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết đề ra.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 12/10/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và được phổ biến đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế TW, UBKT TW,
- Ban Chỉ đạo Tây Bắc,
- Các ban đảng, cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các cơ quan thông tin, báo chí,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Lưu VPTU.

T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ



Nguyễn Khắc Chủ

Produced with ScanTOPDF

